

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*
- Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*
- Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*
- Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP;*
- Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*
- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

Đối với các dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Quyết định số 1740/QĐ-BTP thì tiếp tục triển khai thực hiện theo các quy định về phân cấp, ủy quyền tại Quyết định số 1740/QĐ-BTP cho đến khi hoàn thành và quyết toán dự án.

Khi các văn bản trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /**T**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Cục THADS tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Công Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTC.



Lê Thành Long



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG,
MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG CỦA BỘ TƯ PHÁP**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 496 /QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án, chương trình thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy quyền là việc Bộ trưởng giao nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng cho Thứ trưởng, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính để giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện; Người được ủy quyền được nhân danh và sử dụng quyền hạn của Bộ trưởng khi giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về các quyết định của mình.

Thời hạn ủy quyền tại Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành Quyết định cho đến khi có văn bản thay thế.

2. Phân cấp là việc chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về các quyết định của mình.

3. Đơn vị dự toán

a) *Đơn vị dự toán cấp I* (Bộ Tư pháp) là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách.

b) *Đơn vị dự toán trung gian* được ủy quyền thực hiện phân bổ, giao dự toán, gồm:

- *Đơn vị dự toán ngân sách cấp II* là đơn vị cấp dưới đơn vị dự toán cấp I (Bộ Tư pháp), được đơn vị dự toán cấp I giao dự toán và phân bổ dự toán cho đơn vị dự toán cấp III hoặc đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

- *Đơn vị dự toán ngân sách cấp III* được đơn vị dự toán cấp II thuộc Bộ giao dự toán và phân bổ dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

c) *Đơn vị sử dụng ngân sách* là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách, được đơn vị dự toán cấp I hoặc cấp II hoặc cấp III giao dự toán ngân sách và không có đơn vị dự toán trực thuộc.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp, ủy quyền

1. Đảm bảo sự quản lý thống nhất, toàn diện trong lĩnh vực tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công đối với các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

2. Thực hiện phân cấp để giảm bớt khâu trung gian, phải căn cứ vào khả năng thực hiện nhiệm vụ của đơn vị được phân cấp, đi đôi với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý cấp trên đối với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân cấp đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, đầu tư công và hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

3. Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn gắn với trách nhiệm, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung về quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công.

5. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng quyết định điều chỉnh việc phân cấp, ủy quyền một số nội dung cụ thể khác với Quy định này.

CHƯƠNG 2
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG,
MUA SẢM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 4. Thẩm quyền quản lý tài chính, điều hành ngân sách

1. Bộ trưởng:

a) Ban hành, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, chế độ, định mức do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực tài chính, ngân sách để thực hiện thống nhất trong nội bộ Bộ Tư pháp;

b) Quyết định phân bổ dự toán, giao dự toán, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp;

c) Quyết định phương án sử dụng các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tư pháp;

d) Quyết định phân loại các đơn vị sự nghiệp, phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do Bộ Tư pháp quản lý;

e) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách các nội dung gồm:

- Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách hàng năm; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của Bộ Tư pháp;

- Báo cáo Bộ Tài chính về tổng hợp kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm của Bộ Tư pháp;

- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tư pháp.

g) Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách đơn vị:

- Báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc thỏa thuận tiêu chuẩn, định mức, bổ sung dự toán các nhiệm vụ của các đơn vị phụ trách;

- Quyết định phương án điều hòa phí thi hành án dân sự sau khi có ý kiến của Bộ trưởng về các nhiệm vụ chi từ nguồn điều hòa phí.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính

a) Bộ trưởng ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính

- Báo cáo Bộ Tài chính về tổng hợp dự toán đã giao điều chỉnh, bổ sung của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp để kiểm tra phân bổ dự toán và phê duyệt dự toán trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis);

- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Bộ Tư pháp (định kỳ hàng quý);

- Báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách hàng năm của Bộ Tư pháp (dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm);

- Quyết định công khai dự toán, quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tư pháp; dự toán điều chỉnh, bổ sung đã được cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp;

- Báo cáo khác của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật ngân sách.

b) Bộ trưởng phân cấp cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

- Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý tài chính, kế toán;

- Thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm; số trần chi ngân sách nhà nước 03 năm cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp;

- Thông báo số chi tiết phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách hàng năm, dự toán điều chỉnh, bổ sung cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp;


- Cập nhật, khai thác thông tin dự toán giao, dự toán điều chỉnh cho các đơn vị thuộc Bộ trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis);

- Tổ chức xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp; tổng hợp, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tư pháp;

- Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện chấp hành các quy định về quản lý tài chính của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

a) Bộ trưởng phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

- Hướng dẫn, cụ thể hóa văn bản của Bộ Tư pháp về các cơ chế, chính sách, chế độ, định mức do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực tài chính, ngân sách để thực hiện thống nhất trong các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc; 

- Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, đảm bảo trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và không làm thay đổi dự toán các nội dung, nhiệm vụ chi đã được Bộ giao;

- Quyết định giao điều chỉnh dự toán thu phí thi hành án dân sự, kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (bao gồm dự toán chi từ phí được để lại sử dụng thực hiện chế độ tự chủ), dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù trong lĩnh vực thi hành án dân sự (kinh phí tạm ứng cưỡng chế, kinh phí tạm ứng thừa phát lại, thuê kho, thuê trụ sở, thuê bảo quản tài sản, tang vật, kinh phí may sắm trang phục theo niên hạn) giữa các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc nếu không làm thay đổi tổng mức, chi tiết theo từng lĩnh vực chi, từng nhiệm vụ chi được giao;

- Quyết định giao điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ; điều chỉnh tăng hoặc giảm dự toán của nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của cấp có thẩm quyền trên cơ sở kết quả thẩm định của Bộ Tư pháp (trừ các nội dung đã phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự);

- Cập nhật thông tin dự toán giao, dự toán điều chỉnh cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis);

b) Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện:

- Tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính);

- Lập phương án phân bổ dự toán, phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (chi tiết đến từng đơn vị sử dụng ngân sách và từng nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán ngân sách được Bộ giao) báo cáo Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) để thẩm định, tổng hợp vào phương án phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Tư pháp;

- Lập phương án phân bổ điều hòa phí cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (chi tiết đến từng đơn vị dự toán và từng nhiệm vụ chi trong phạm vi kinh phí điều hòa phí) trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt;

- Tổ chức kiểm tra, thông báo phê duyệt quyết toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách của Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính);

- Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện chấp hành các quy định về quản lý tài chính của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc;

- Tổng hợp báo cáo Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) các báo cáo sau:

+ Báo cáo tổng hợp dự toán đã phân bổ, giao, điều chỉnh của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (kèm theo các tài liệu có liên quan); báo cáo phân bổ điều hòa phí thi hành án để kiểm tra phân bổ dự toán theo quy định;

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (báo cáo định kỳ hàng quý);

+ Báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách hàng năm của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước);

+ Báo cáo khác của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định của pháp luật ngân sách.

4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách:

a) Hướng dẫn, cụ thể hóa văn bản của Bộ Tư pháp hướng dẫn các cơ chế, chính sách, chế độ, định mức do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực tài chính để thực hiện thống nhất trong các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc;

b) Thực hiện công tác lập và chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách, chấp hành chế độ báo cáo, công khai tài chính theo quy định của pháp luật ngân sách và hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

c) Ngoài thực hiện các nội dung nêu tại điểm a và điểm b khoản này, Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách không phải là đơn vị sử dụng ngân sách (đơn vị dự toán cấp II, cấp III):

- Tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách hàng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định của pháp luật báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp;

- Được Bộ trưởng phân cấp quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (bao gồm cả dự toán điều chỉnh, bổ sung), đảm bảo trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và không làm thay đổi dự toán các nội dung, nhiệm vụ chi đã được đơn vị dự toán cấp trên giao;

- Tổ chức kiểm tra quyết toán ngân sách hàng năm và thông báo phê duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, đối chiếu kết quả hoạt động trong năm và thông báo kết quả hoạt động năm đối với các đơn vị trực thuộc không sử dụng ngân sách nhà nước; tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; 76

- Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện chấp hành các quy định về quản lý tài chính của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ;

- Tổng hợp báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp các nội dung, gồm:

+ Báo cáo tổng hợp dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (kèm theo các tài liệu có liên quan) để kiểm tra phân bổ, điều chỉnh dự toán, cập nhật và báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt dự toán trên hệ thống Tabmis theo quy định;

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (báo cáo định kỳ hàng quý);

+ Báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách hàng năm của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước); Báo cáo khác của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định của pháp luật ngân sách.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ


1. Hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp quản lý, bao gồm:

a) Vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên;

b) Máy sắm trang phục ngành, trang phục phục vụ hoạt động đặc thù của ngành, lĩnh vực theo quy định, bảo hộ lao động (gồm cả mua sắm vật liệu, mẫu thiết kế và công may);

c) Sản phẩm in, tài liệu, biểu mẫu, ấn phẩm, ấn chỉ, tem; văn hóa phẩm, sách, tài liệu, phim ảnh và các sản phẩm, dịch vụ để tuyên truyền, quảng bá và phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ;

d) Dịch vụ phi tư vấn bao gồm: Thuê các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; sửa chữa thường xuyên nhỏ, lẻ nhà cửa, công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản; dịch vụ xử lý chất thải; thuê bảo quản tài sản, tang vật; dịch vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định; dịch vụ đào tạo, tập huấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các dịch vụ phi tư vấn khác;

đ) Dịch vụ tư vấn bao gồm: Tư vấn lựa chọn công nghệ, tư vấn đề lập, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và các dịch vụ tư vấn khác trong mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị; 

e) Các hàng hóa, dịch vụ khác được mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

g) Các loại hàng hóa, dịch vụ nêu tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này sau đây gọi chung là hàng hóa, dịch vụ, không thuộc các trường hợp mua sắm tài sản đã được phân cấp và ủy quyền tại Điều 6, Điều 7 Quy định này.

2. Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách đơn vị:

Quyết định mua sắm một chủng loại (hoặc nhóm chủng loại) hàng hóa, dịch vụ nêu tại khoản 1 Điều này có tổng giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của các đơn vị quản lý (trừ nội dung phân cấp cho đơn vị tại khoản 3 và khoản 6 Điều này).

3. Bộ trưởng phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

Quyết định mua sắm một chủng loại (hoặc nhóm chủng loại) hàng hóa, dịch vụ nêu tại khoản 1 Điều này có tổng giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.

4. Bộ trưởng phân cấp cho Cục trưởng thuộc Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, người đứng đầu Ban quản lý chương trình, dự án; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 6 Điều này); Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Chánh Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (nếu có):

Quyết định mua sắm một chủng loại (hoặc nhóm chủng loại) hàng hóa, dịch vụ nêu tại khoản 1 Điều này có tổng giá trị dưới 05 tỷ đồng cho một lần mua sắm của đơn vị mình và từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.

5. Bộ trưởng phân cấp cho Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục thuộc Bộ (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này):

Quyết định mua sắm một chủng loại (hoặc nhóm chủng loại) hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị dưới 500 triệu đồng cho một lần mua sắm của đơn vị mình.

6. Bộ trưởng phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên tự quyết định mua sắm một chủng loại hoặc nhóm chủng loại hàng hóa, dịch vụ.

Điều 6. Thẩm quyền quản lý tài sản công đối với các cơ quan nhà nước

1. Bộ trưởng:

a) Ban hành, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, chế độ, định mức quản lý, sử dụng tài sản công do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực tài sản công để thực hiện thống nhất trong nội bộ Bộ Tư pháp;

b) Quyết định danh mục mua sắm tập trung cấp Bộ, kế hoạch mua sắm tập trung hàng năm của Bộ Tư pháp;

c) Phê duyệt chủ trương mua sắm tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô các loại của các đơn vị thuộc Bộ quản lý;

d) Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản công theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các đề án, dự án mang tính tổng thể toàn ngành có liên quan đến hoạt động của nhiều đơn vị;

đ) Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các đơn vị thuộc Bộ quản lý;

e) Quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn (trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 4 Điều này);

g) Quyết định xử lý tài sản công trong các trường hợp:

- Thu hồi, bán tài sản công là xe ô tô của các đơn vị thuộc Bộ quản lý;

- Điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô và các tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản trở lên giữa các đơn vị thuộc Bộ quản lý (trừ nội dung về điều chuyển tài sản công quy định tại điểm h khoản 1 Điều này);

- Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc Ban quản lý dự án do Bộ trưởng quyết định thành lập;

- Tiêu hủy tài sản công;

- Xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân trong trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại là nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất của các đơn vị thuộc Bộ quản lý.

h) Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách đơn vị:

- Quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô của các đơn vị quản lý theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt;

- Quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên của các đơn vị dự toán quản lý.

- Quyết định thuê tài sản công có giá thuê từ 100 triệu đồng/tháng trở lên (tính cho một tài sản thuê) của các đơn vị quản lý;

- Quyết định xử lý tài sản công trong các trường hợp:

+ Thu hồi, bán đổi với các tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên;

+ Thanh lý đối với các tài sản công là nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và các tài sản khác nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên;

+ Xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân trong trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại là xe ô tô và tài sản khác (trừ trụ sở làm việc) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên;

+ Điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô và các tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản trở lên giữa các đơn vị cùng thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư; phê duyệt quyết toán dự án sửa chữa trụ sở, kho vật chứng có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng trở lên đối với các cơ quan thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và dự án sửa chữa trụ sở từ 05 tỷ đồng trở lên đối với các đơn vị thuộc Bộ còn lại sử dụng nguồn chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác;

- Quyết định phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm tập trung do đơn vị thuộc quyền quản lý được giao tổ chức thực hiện;

- Quyết định giữ lại tiếp tục sử dụng nhà, đất; tạm giữ lại tiếp tục sử dụng nhà, đất đối với các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp quản lý sau khi có ý kiến phê duyệt của Bộ Tài chính.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

a) Bộ trưởng ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công; báo cáo công khai tài sản công; báo cáo khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

- Quyết định công khai việc phân bổ dự toán kinh phí đầu tư, mua sắm, thuê tài sản đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ; tình hình đầu tư, xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản; tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với các tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công;

b) Bộ trưởng phân cấp cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

- Ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý tài sản công;

- Quyết định mua sắm tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán thuộc Bộ;

- Quyết định thuê đối với tài sản công có giá thuê từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/tháng (tính cho một tài sản thuê) của các đơn vị dự toán thuộc Bộ;

- Quyết định xử lý tài sản công trong các trường hợp:

+ Thu hồi, bán, thanh lý đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc Bộ, trừ nội dung đã phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

+ Điều chuyển đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc Bộ (trừ các tài sản đã phân cấp cho thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ tại điểm c khoản 3, điểm d khoản 4 Điều này);

+ Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc Bộ (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô).

3. Bộ trưởng phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

a) Quyết định mua sắm tài sản công có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) của các đơn vị trực thuộc;

b) Quyết định thuê đối với tài sản công có giá thuê từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/tháng (tính cho một tài sản thuê) của các đơn vị trực thuộc;

c) Quyết định xử lý tài sản công đối với các trường hợp sau:

- Thu hồi, bán, thanh lý đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản của các đơn vị trực thuộc;

- Điều chuyển đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc và xe ô tô) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản giữa các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản phân cấp cho Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự nêu tại điểm d khoản 4 Điều này);

- Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản của các đơn vị trực thuộc (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô);

d) Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt quyết toán dự án sửa chữa trụ sở, kho vật chứng của các đơn vị trực thuộc có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng đến dưới 60 tỷ đồng sử dụng nguồn chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Bộ trưởng phân cấp cho Cục trưởng thuộc Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, người đứng đầu Ban quản lý chương trình, dự án; Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Chánh Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự:

a) Quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/đơn vị tài sản của đơn vị mình;

b) Quyết định thuê đối với tài sản công có giá thuê dưới 50 triệu đồng/tháng (tính cho một tài sản thuê) của đơn vị mình và các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo đúng tiêu chuẩn, định mức và dự toán ngân sách được Bộ giao;

c) Quyết định thuê hội trường tổ chức hội nghị, hội thảo của đơn vị mình;

d) Quyết định xử lý tài sản trong các trường hợp sau:

- Thu hồi, bán, thanh lý đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) có giá trị dưới 300 triệu đồng/đơn vị tài sản của đơn vị mình và các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc;

- Thanh lý nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất của đơn vị mình và các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc mà phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng;

- Điều chuyển đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc và xe ô tô) có giá trị dưới 300 triệu đồng/đơn vị tài sản giữa các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc;

- Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/đơn vị tài sản của đơn vị mình và các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô).

đ) Quyết định điều chỉnh mức giá trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6; việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định tại khoản 2 Điều 7; việc trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cần thiết khác đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 5 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị từ nguồn kinh phí giao tự chủ của đơn vị mình;

e) Quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

g) Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại đơn vị mình theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

h) Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt quyết toán dự án sửa chữa trụ sở, kho vật chứng có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng bằng nguồn chi thường xuyên, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị mình và đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.

5. Bộ trưởng phân cấp cho Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự:

Quyết định các nội dung quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 4 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quản lý tài sản công đối với đơn vị sự nghiệp công lập

1. Bộ trưởng:

a) Quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính về việc sử dụng tài sản vào mục đích liên doanh, liên kết.

b) Bộ trưởng ủy quyền cho Thủ trưởng phụ trách đơn vị:

Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư; phê duyệt quyết toán dự án cải tạo, sửa chữa cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên trừ trường hợp quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này.

2. Bộ trưởng phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

a) Quyết định mua sắm, bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), thuê tài sản công từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị;

b) Quyết định thanh lý đối với các tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô);

c) Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư; phê duyệt quyết toán dự án sửa chữa cơ sở hoạt động sự nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị; nguồn chi thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp;

đ) Thẩm quyền quyết định các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này.

3. Bộ trưởng phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên:

a) Quyết định mua sắm, bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), thuê tài sản công từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị;

b) Quyết định thanh lý đối với các tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô);

c) Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg;

d) Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư; phê duyệt quyết toán dự án cải tạo, sửa chữa cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng sử dụng nguồn chi thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp;

đ) Thẩm quyền quyết định các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

4. Thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Các nội dung chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài sản công được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền thực hiện quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Thẩm quyền thực hiện quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sau đây được thực hiện tương tự như thẩm quyền quy định tại Điều 9 về quản lý đầu tư công:

a) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí từ nguồn thu được để lại của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

c) Các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

2. Thẩm quyền thực hiện quản lý các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên, nguồn thu được để lại theo chế độ:

sau đây, thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm hàng hóa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 5 hoặc mua sắm tài sản công quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này:

a) Mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có;

b) Mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại; bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm; quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin;

c) Tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu; đảm bảo hoạt động cho công/trang thông tin điện tử;

d) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu;

đ) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thẩm quyền thực hiện quản lý đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước yêu cầu phải lập đề cương và dự toán chi tiết:

a) Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách đơn vị:

Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có tổng giá trị từ trên 500 triệu đồng đến 15 tỷ đồng của các đơn vị thuộc Bộ (trừ nội dung phân cấp cho đơn vị tại điểm b, điểm d khoản này).

b) Bộ trưởng phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có tổng giá trị từ trên 200 triệu đồng đến 03 tỷ đồng của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.

c) Bộ trưởng phân cấp cho Cục trưởng thuộc Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, người đứng đầu Ban quản lý chương trình, dự án; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):

Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có tổng giá trị từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng.

d) Bộ trưởng phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu sử dụng nguồn thu sự nghiệp được để lại của đơn vị.

4. Thẩm quyền quản lý thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn thu được để lại: Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quản lý đầu tư công

1. Bộ trưởng:

a) Phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin có tính chất tổng thể, dài hạn của Bộ, ngành;

b) Đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn; giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn cho dự án; phê duyệt kế hoạch đầu tư công hàng năm của Bộ;

c) Đề xuất cấp có thẩm quyền nhu cầu vốn đầu tư công hàng năm; Quyết định phương án phân bổ, phương án điều chỉnh và giao kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm cho các dự án;

d) Quyết định chủ trương đầu tư:

- Dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước;

- Dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước thuộc Bộ Tư pháp quản lý;

- Dự án nhóm A sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Bộ Tư pháp quản lý;

- Dự án nhóm A, B sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

đ) Quyết định đầu tư:

- Dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước; 7

- Dự án nhóm A sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của cơ quan nhà nước thuộc Bộ Tư pháp quản lý.

e) Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách đơn vị:

- Quyết định đầu tư:

+ Dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc Bộ Tư pháp quản lý, trừ các dự án đã phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư;

+ Dự án nhóm B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước dành để đầu tư thuộc Bộ Tư pháp quản lý, trừ các dự án đã phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư.

- Quyết định các nội dung:

+ Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án và phê duyệt quyết toán các dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Bộ trưởng quyết định đầu tư và các dự án được Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư;

+ Quyết định điều chỉnh, bổ sung các nội dung chủ trương đầu tư nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt của dự án.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

a) Bộ trưởng ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

- Báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công định kỳ, đột xuất; Báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách năm của Bộ Tư pháp để gửi các cơ quan quản lý theo quy định;

- Báo cáo định kỳ (01 tháng, quý, năm) và các báo cáo đột xuất liên quan lĩnh vực đầu tư công của Bộ Tư pháp gửi các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Bộ trưởng phân cấp cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

- Ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực đầu tư công;

- Thông báo chi tiết danh mục và mức vốn trung hạn được Bộ trưởng giao tới từng đơn vị, dự án;

- Thông báo chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Lãnh đạo Bộ;

- Thông báo kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm (gồm cả điều hòa, điều chỉnh vốn) được Bộ trưởng giao cho các dự án đầu tư công do Lãnh đạo Bộ quyết định đầu tư;

- Tổ chức quản lý, cập nhật và khai thác thông tin về kế hoạch vốn đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) và Hệ thống đầu tư công Quốc gia;

- Theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, tham gia thanh tra tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm; tình hình thực hiện các dự án thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý;

- Giải quyết, xử lý các vấn đề thay đổi, điều chỉnh, phát sinh, bổ sung trong quá trình thực hiện dự án do Lãnh đạo Bộ quyết định đầu tư nhưng không làm thay đổi nội dung chủ trương đầu tư đã được phê duyệt của dự án.

3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

a) Bộ trưởng phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự:

- Thông báo chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khối cơ quan Thi hành án dân sự có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước dành để đầu tư sau khi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

- Quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư công khối cơ quan Thi hành án dân sự có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước dành để đầu tư;

- Thông báo kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm (gồm cả điều hòa, điều chỉnh vốn) được Bộ trưởng giao cho các dự án đầu tư công khối cơ quan Thi hành án dân sự do Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư.


b) Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức thực hiện:

- Theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, tham gia thanh tra tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và tình hình thực hiện các dự án thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp;

- Đề xuất Kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm các dự án đầu tư công khối cơ quan Thi hành án dân sự.

- Đề xuất nhu cầu vốn đầu tư công hàng năm đối với các dự án đầu tư công khối cơ quan Thi hành án dân sự.

- Đề xuất phương án phân bổ và phương án điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm của các dự án đầu tư công do Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư theo phân cấp.

- Phê duyệt một số báo cáo sau: 

+ Báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công định kỳ (01 tháng, quý, cả năm), đột xuất của các dự án do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư theo phân cấp gửi Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính);

+ Báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách năm của các dự án do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư theo phân cấp gửi Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính);

+ Báo cáo định kỳ 06 tháng, báo cáo năm và các báo cáo đột xuất liên quan lĩnh vực đầu tư công trong phạm vi được giao quản lý gửi Bộ và các cơ quan quản lý khác theo quy định của pháp luật.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư trình Bộ thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C và quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý.

d) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại: Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C và quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý.

đ) Bộ trưởng phân cấp cho Chủ đầu tư dự án phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và quyết định hình thức tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính

1. Thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý thống nhất về công tác quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của các đơn vị thuộc Bộ.

2. Chủ trì thẩm định trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Lãnh đạo Bộ trong quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công.

3. Thực hiện thẩm quyền về quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công được giao tại Quy định này theo đúng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục của pháp luật và của Bộ Tư pháp; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật đối với việc thực hiện thẩm quyền được giao.

4. Gửi báo cáo Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực các văn bản, quyết định về quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công sau khi quyết định theo thẩm quyền để theo dõi, quản lý.

5. Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp kiểm tra thực hiện các nội dung phân cấp; phối hợp với Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp thanh tra việc thực hiện các nội dung phân cấp của đơn vị dự toán thuộc Bộ quản lý.

6. Tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp, ủy quyền đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ, ngành.

7. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng tình hình, kết quả thực hiện Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin

1. Thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý thống nhất về lĩnh vực công nghệ thông tin thuộc Bộ Tư pháp.

2. Thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ của đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Quy định này.

Trường hợp Cục Công nghệ thông tin là đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định về kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin; phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ của đề cương và dự toán chi tiết.

3. Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Trường hợp Cục Công nghệ thông tin đồng thời là chủ đầu tư dự án, Cục Công nghệ thông tin thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở

hoặc Bộ trưởng sẽ giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế cơ sở tùy vào điều kiện cụ thể.

4. Cho ý kiến về kế hoạch thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Bộ.

Điều 12. Trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị dự toán

1. Thực hiện thẩm quyền về quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công được giao tại Quy định này theo đúng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục của pháp luật và của Bộ Tư pháp; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật đối với việc thực hiện thẩm quyền được giao.

2. Tổng hợp hồ sơ, hoàn tất thủ tục và đề xuất ý kiến để thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các nội dung quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.

3. Gửi báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng phụ trách, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp các văn bản, quyết định về quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công sau khi quyết định theo thẩm quyền để theo dõi, quản lý.

4. Tự kiểm tra việc thi hành pháp luật về quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công đơn vị mình; kiểm tra tình hình thực hiện tại các đơn vị trực thuộc (nếu có).

5. Kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp (qua Cục Kế hoạch - Tài chính hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp cho phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của đơn vị.

6. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu báo cáo đơn vị cấp trên trực tiếp về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.